TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCOT22
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .				DC3OT52_Công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô (4)		DC3OT53_Công nghệ lắp ráp ô tô (2)		DC3OT44_ĐA môn học: KC - TT ô tô (2)		DC3OT54_Thí nghiệm ô tô (2)		DC3OT36_Hệ thống điều hòa và thiết bị tiện nghi		DC3CK72_Đồ án Động cơ đốt trong (2)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		1,995,000
1	65DCOT22086	Nguyễn Sỹ	Chiến	09/06/1995	6.2	C+	5.6	C	5.3	D+	5.0	D+						
2	65DCOT21085	Phạm Văn	Chiến	20/05/1996	7.3	B	2.8	F	8.7	A	6.4	C+					1	15,000
3	65DCOT21026	Nguyễn Mạnh	Cường	31/12/1995	7.9	B	7.3	B	7.3	B	7.8	B	8.3	B+				
4	65DCOT21039	Lê Văn	Dũng	15/04/1996	6.5	C+	7.3	B	5.3	D+	8.1	B+	7.1	B				
5	65DCOT21123	Trương Ngọc	Dũng	09/07/1996	6.8	C+	0.0	F	6.3	C+	7.2	B			0.0	F	2	30,000
6	65DCOT21046	Đào Sỹ	Duy	20/02/1996	5.7	C	2.5	F	6.0	C+	5.7	C					1	15,000
7	65DCOT23875	Nguyễn Đoàn Thái	Duy	13/11/1996	4.8	D	6.6	C+	7.3	B	5.0	D+	6.3	C+				
8	65DCOT21043	Nguyễn Khương	Duy	18/08/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	2.4	F	0.0	F			5	75,000
9	65DCOT22835	Bùi Hồng	Dương	13/09/1995	1.8	F	1.8	F	0.0	F	2.9	F			0.0	F	5	75,000
10	65DCOT21095	Hà Đức	Dương	12/09/1996	6.1	C+	5.2	D+	0.0	F	5.8	C	6.6	C+	0.0	F	2	30,000
11	65DCOT21055	Phan Khắc	Dương	06/10/1996														
12	65DCOT21019	Nguyễn Viết	Đại	11/08/1996	7.0	B	2.1	F	2.9	F	3.6	F					3	45,000
13	65DCOT21080	Phạm Văn	Đại	19/10/1995	1.7	F	2.1	F	0.0	F	2.0	F			0.0	F	5	75,000
14	65DCOT21084	Lê Văn	Định	26/08/1996	7.3	B	2.5	F	2.9	F	7.1	B					2	30,000
15	65DCOT22105	Hà Minh	Đức	25/11/1996	5.8	C	5.9	C	5.3	D+	2.2	F			0.0	F	2	30,000
16	65DCOT21096	Nguyễn Văn	Hải	02/06/1996	0.0	F	1.8	F	0.0	F	2.2	F					4	60,000
17	65DCOT21115	Phạm Thanh	Hải	22/01/1996	7.1	B	6.6	C+	6.3	C+	7.1	B	8.0	B+				
18	65DCOT21049	Đặng Huy	Hảo	30/08/1996	6.0	C+	7.3	B	8.3	B+	8.1	B+	8.1	B+				
19	65DCOT21769	Nguyễn Minh	Hiền	13/01/1996	2.2	F	8.3	B+	5.3	D+	8.3	B+					1	15,000
20	65DCOT21015	Dương Trung	Hiển	04/07/1996	5.5	C	2.5	F	0.0	F	6.7	C+			0.0	F	3	45,000
21	65DCOT21067	Trần Quang	Hiệp	20/06/1996	6.9	C+	6.6	C+	1.9	F	6.0	C+					1	15,000
22	65DCOT21041	Đỗ Trọng	Hiếu	19/09/1996	2.5	F	7.3	B	7.3	B	5.3	D+					1	15,000
23	65DCOT21785	Vũ Huy	Hoàng	28/04/1996	2.8	F	2.5	F	2.2	F	3.5	F	6.7	C+	0.0	F	5	75,000
24	65DCOT21069	Nguyễn Quang	Huy	20/05/1995	7.0	B	2.5	F	5.3	D+	3.7	F	7.3	B			2	30,000
25	65DCOT21037	Nguyễn Duy	Hưng	22/08/1996	2.8	F	5.9	C	2.9	F	5.7	C					2	30,000
26	65DCOT21040	Nguyễn Hữu	Hưng	20/11/1996	6.4	C+	2.5	F	0.0	F	5.0	D+					2	30,000
27	65DCOT21021	Bùi Công	Hướng	22/06/1996	6.3	C+	5.9	C	5.3	D+	2.7	F			0.0	F	2	30,000
28	65DCOT21097	Trần Ngọc	Khánh	20/11/1996	1.9	F	0.0	F	0.0	F	2.3	F	1.8	F	0.0	F	6	90,000
29	65DCOT21100	Trần Đăng	Khoa	02/08/1996	6.9	C+	2.5	F	5.3	D+	3.0	F					2	30,000
30	65DCOT21091	Phạm Văn	Lâm	14/06/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	2.3	F	0.0	F	0.0	F	6	90,000
31	65DCOT21087	Trần Văn	Luân	07/10/1996	5.7	C	5.9	C	5.3	D+	5.0	D+	7.6	B				

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .			DC3OT52_Công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô (4)		DC3OT53_Công nghệ lắp ráp ô tô (2)		DC3OT44_ĐA môn học: KC - TT ô tô (2)		DC3OT54_Thí nghiệm ô tô (2)		DC3OT36_Hệ thống điều hòa và thiết bị tiện nghi		DC3CK72_Đồ án Động cơ đốt trong (2)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		1,995,000
32	65DCOT21031	Phạm Tiến	Lực	08/10/1996	2.2	F	1.6	F	5.3	D+	5.8	C	7.4	B			2	30,000
33	65DCOT21782	Nguyễn Hùng	Mạnh	25/10/1995	6.4	C+	5.9	C	2.2	F	6.7	C+	0.8	F	0.0	F	3	45,000
34	65DCOT20600	Nguyễn Hữu	Mạnh	24/08/1996	6.5	C+	6.6	C+	3.2	F	5.8	C			7.2	B	1	15,000
35	65DCOT21010	Nguyễn Quý	Minh	09/06/1996	2.2	F	1.6	F	0.0	F	2.2	F	2.4	F	3.0	F	6	90,000
36	65DCOT22111	Tô Văn	Minh	19/06/1996	6.4	C+	5.9	C	6.3	C+	6.7	C+						
37	65DCOT11153	Hoàng Thế Thanh	Nam	09/08/1996	0.0	F	1.6	F	0.0	F	2.2	F	0.0	F	0.0	F	6	90,000
38	65DCOT21034	Phạm Phương	Nam	10/09/1996	2.1	F	1.6	F	0.0	F	2.3	F	1.9	F	0.0	F	6	90,000
39	65DCOT22738	Đỗ Trọng	Nguyên	31/08/1996	5.9	C	5.9	C	5.6	C	5.0	D+			0.0	F	1	15,000
40	65DCOT21090	Trần Quang	Phát	16/12/1996	5.8	C	5.2	D+	0.0	F	5.0	D+	2.0	F			2	30,000
41	65DCOT22740	Nguyễn Hải	Phong	26/09/1995	2.3	F	5.9	C	0.0	F	5.8	C	6.3	C+	0.0	F	3	45,000
42	65DCOT21050	Nguyễn Bá	Phú	03/08/1996	6.9	C+	8.1	B+	5.6	C	6.5	C+	7.1	B	0.0	F	1	15,000
43	65DCOT21013	Hoàng Minh	Quang	21/01/1996	7.9	B	7.3	B	7.6	B	7.3	B						
44	65DCOT21114	Trần Anh	Quang	16/12/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	2.5	F	0.0	F	0.0	F	6	90,000
45	65DCOT21103	Đặng Hồng	Quân	13/02/1995	6.4	C+	6.6	C+	8.3	B+	7.1	B			8.6	A		
46	65DCOT21022	Đặng Mạnh	Quyết	15/04/1996	6.5	C+	8.3	B+	5.6	C	3.7	F					1	15,000
47	65DCOT21016	Lưu Văn	Quyết	05/12/1996	7.7	B	7.6	B	2.2	F	3.8	F					2	30,000
48	65DCOT21063	Vũ Trọng	Song	11/10/1996	1.9	F	2.5	F	0.0	F	4.3	D	2.0	F	0.0	F	5	75,000
49	65DCOT21033	Nguyễn Hồng	Sơn	23/10/1996	7.8	B	7.3	B	8.3	B+	6.0	C+						
50	65DCOT21128	Nguyễn Trí	Thành	10/10/1996	2.1	F	0.0	F	0.0	F	2.2	F			0.0	F	5	75,000
51	65DCOT21061	Triệu Quang	Thắng	24/09/1996	2.0	F	0.0	F	0.0	F	2.2	F	1.1	F	0.0	F	6	90,000
52	65DCOT21052	Đinh Công	Thọ	24/07/1996	7.2	B	5.9	C	2.2	F	5.8	C					1	15,000